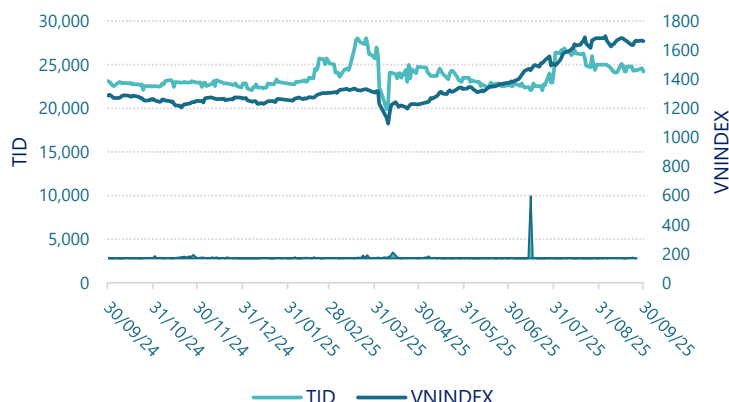


CTCP Tổng Công ty Tín Nghĩa (UPCOM: TID)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	24,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,023
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,866
SL cổ phiếu LH	200,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,590
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,840
P/E	6.0
EPS	4,064

DT thuần

Q3/25

2,761

tỷ VNĐ

QoQ: ▼797 | -22.4%

YoY: ▲ 412 | 17.5%

LN sau thuế

Q3/25

159

tỷ VNĐ

QoQ: ▼134 | -45.7%

YoY: ▲ 96.4 | 154%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

8.7%

+/- YoY: ▲ 3.8%

DT thuần

9T 2025

10,602

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,480 | 30.5%

LN sau thuế

9T 2025

760

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 522 | 219%

ROE

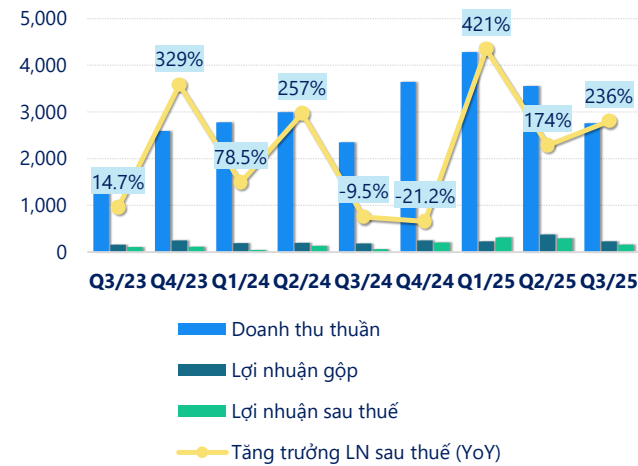
Q3/25

18.4%

+/- YoY: ▲ 11.0%

tỷ VNĐ

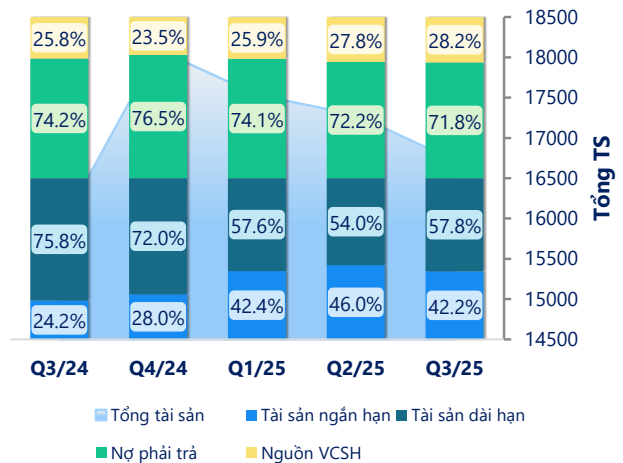
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

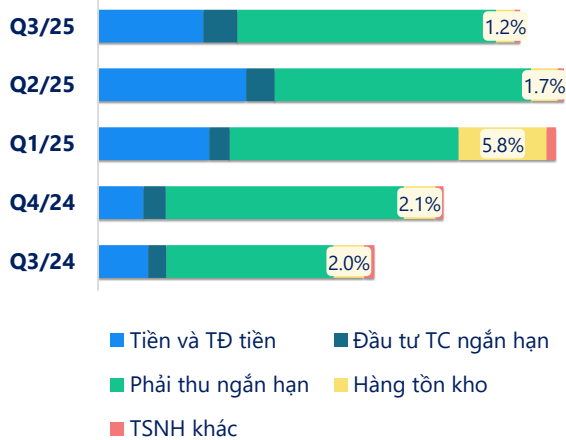
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



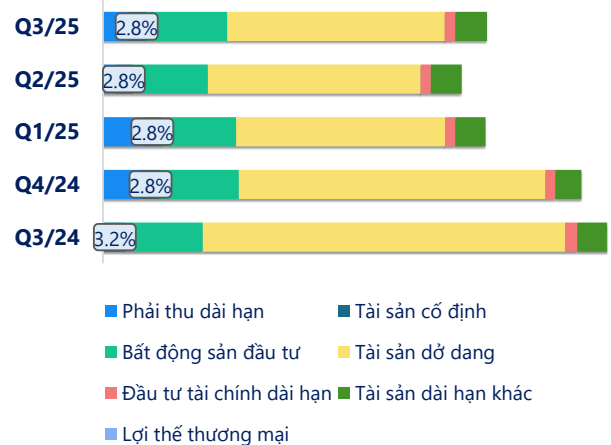
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

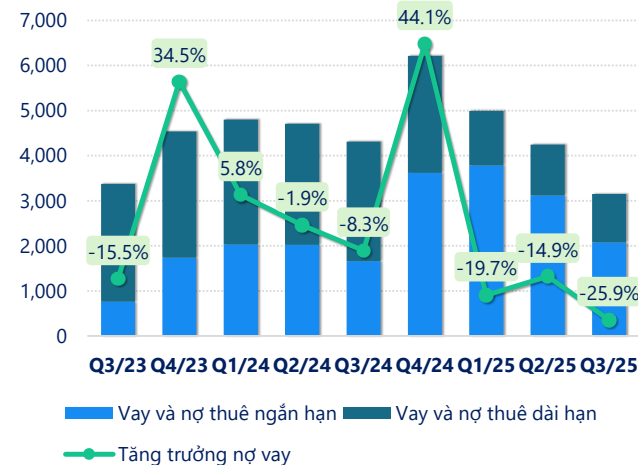
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

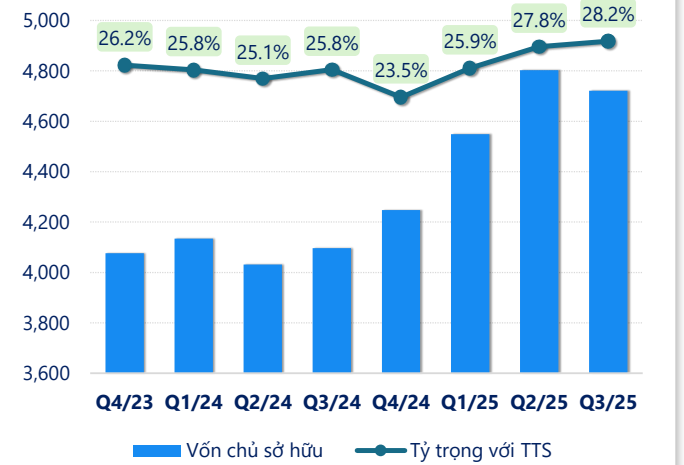
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

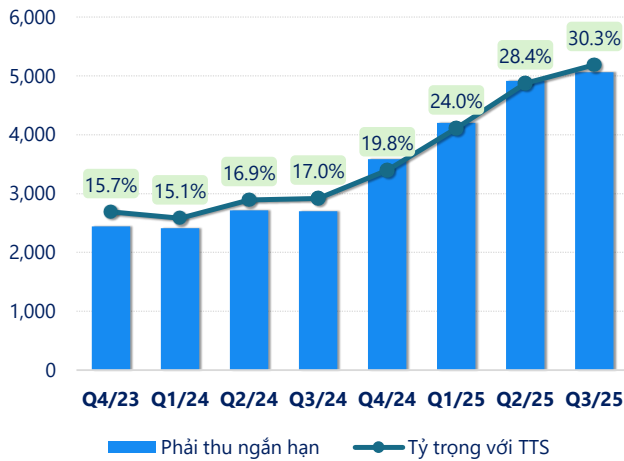
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



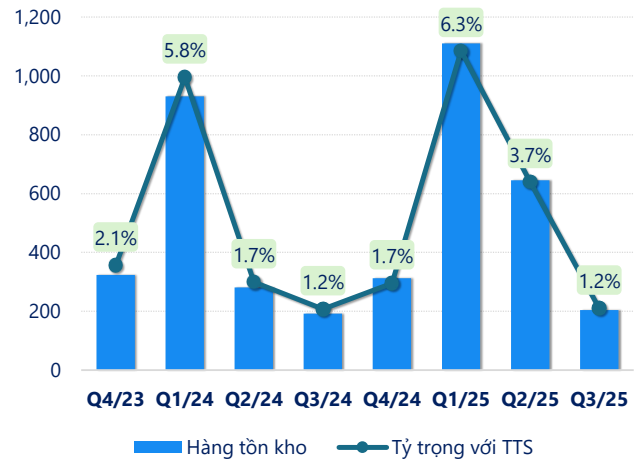
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


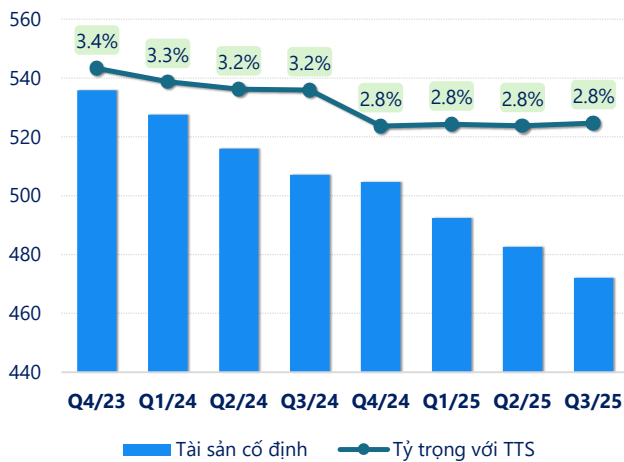
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


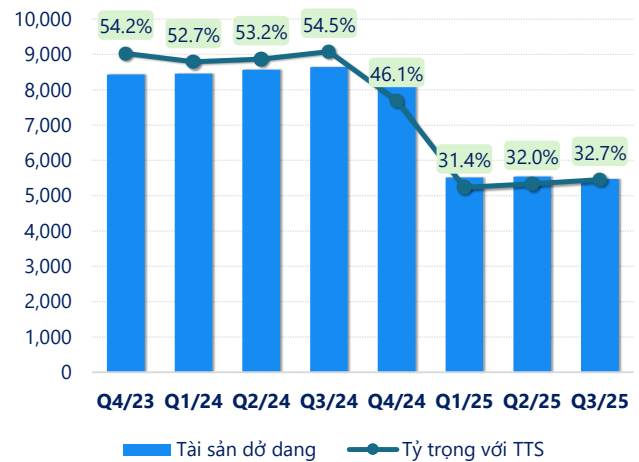
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

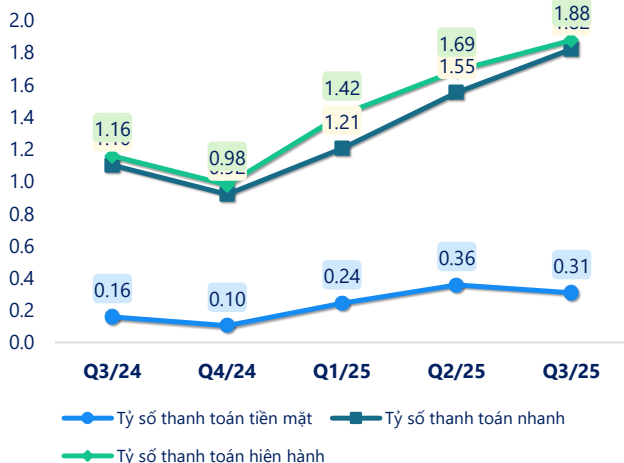
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

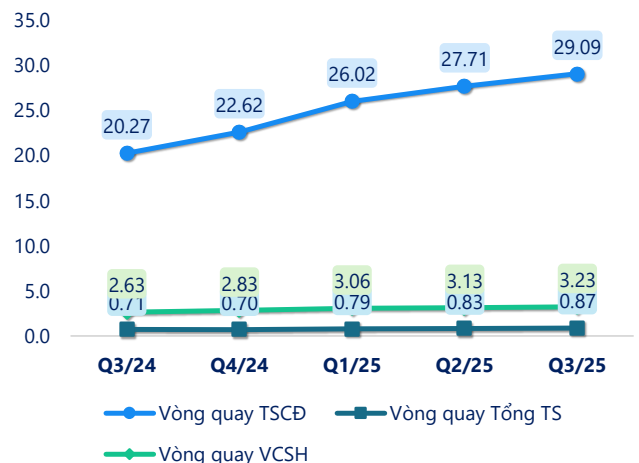
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	15,865	18,095	17,535	17,288	16,720
Tài sản ngắn hạn	3,835	5,069	7,443	7,958	7,062
Tiền và tương đương tiền	525	541	1,282	1,685	1,158
Đầu tư tài chính ngắn hạn	358	559	758	680	612
Phải thu ngắn hạn	2,700	3,587	4,203	4,917	5,060
Hàng tồn kho	192	312	1,110	645	204
Tài sản ngắn hạn khác	59.6	70.0	89.5	31.6	27.1
Tài sản dài hạn	12,031	13,026	10,091	9,330	9,658
Phải thu dài hạn	30.2	1,043	1,056	303	613
Tài sản cố định	507	505	492	483	472
Bất động sản đầu tư	1,849	2,149	1,967	1,943	2,041
Tài sản dở dang	8,645	8,346	5,510	5,536	5,469
Đầu tư tài chính dài hạn	285	269	266	262	266
Tài sản dài hạn khác	713	713	800	803	797
Lợi thế thương mại	0.73	0.49	0.24	0	0
Nợ phải trả	11,769	13,848	12,986	12,485	11,999
Nợ ngắn hạn	3,309	5,171	5,255	4,712	3,763
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,659	3,615	3,784	3,118	2,072
Phải trả người bán ngắn hạn	147	181	314	132	330
Nợ dài hạn	8,460	8,676	7,731	7,774	8,236
Vay và nợ thuê dài hạn	2,655	2,601	1,210	1,131	1,074
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,096	4,247	4,548	4,803	4,721
Vốn chủ sở hữu	4,096	4,247	4,548	4,803	4,721
Vốn điều lệ	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
Kinh phí và quỹ khác	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08

(Nguồn: fireant.vn)